TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30/8/2023
V/v: Xin ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán Chủ toạ phiên toà: Bà Sùng Thị Mai
Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Phương
2. Bà Khuất Thị Thanh

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Mồng Thu Hường - Thư ký Toà án nhân dân thành phố H.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023 tại Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 78/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 về việc "Xin ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 3 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QDDST-HNGĐ ngày 24/8/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trịnh Thị N, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Đỗ H A, vắng mặt không có lý do.

Các đương sự cùng trú tại: SN 259B, đường 20/8, tổ 02, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 22/6/2023; bản tự khai ngày 03/7/2023 và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Trịnh Thị N trình bày:* Chị và anh Đỗ H A đăng ký kết hôn vào ngày 28/4/2011 tại UBND thị trấn V, huyện H, tỉnh Hà Giang, trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 8 năm 2013 thì đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung, không thông cảm chia sẻ với nhau về tất cả các vấn đề trong cuộc sống sinh hoạt gia đình. Anh H A không tôn trọng chị, thường xuyên ghen tuông vô cớ say rượu về đánh đập chị nhiều lần, thậm chí gây ra thương tích cho chị, nhưng vì chị không muốn ảnh hưởng đến công việc của chồng nên chị đã cố gắng chịu đựng. Lần gần đây nhất anh đã đánh chị bầm tím hết cả mặt mũi, chân tay và chị đã phải đi về nhà anh em để ở nhờ, vợ

chồng sống ly thân nhau mấy tháng nay. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị không thể bỏ qua cho những lỗi lầm mà anh Anh đã gây ra cho chị, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ H A.

- Về con chung: Chị và anh Đỗ H A có 01 con chung là cháu Đỗ Hoàng Đ, sinh ngày 06/01/2013, khi ly hôn chị tôn trọng ý kiến cháu Đ, bố mẹ ly hôn cháu ở với mẹ hay bố do cháu quyết định, nếu cháu Đ có nguyện vọng ở cùng chị, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi của cháu.

** Theo nội dung bản tự khai ngày 3/7/2023 và quá trình giải quyết bị đơn anh Đỗ H A trình bày:* Anh xác nhận thời gian, địa điểm kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng như chị N trình bày là đúng, nguyên nhân là do anh nóng tính, nói năng không được nhẹ nhàng và hay ghen tuông, nhưng nguyên nhân là do chị N hay đi chơi với bạn bè về muộn, thậm chí có hôm đi đến 1, 2 giờ sáng mới về. Tuy nhiên, hiện tại anh vẫn rất yêu chị N, anh hứa sẽ thay đổi, nhìn nhận lại bản thân để cải thiện tình cảm vợ chồng. Anh đề nghị Tòa án tạo điều kiện để vợ chồng cùng suy nghĩ lại quay về đoàn tụ, nếu chị nhất quyết ly hôn anh đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh Đỗ H A xác nhận anh chị có 01 con chung, là cháu Đỗ Hoàng Đ, sinh ngày 06/01/2013, trong trường hợp chị N nhất quyết ly hôn thì anh sẽ là người trực tiếp nuôi cháu Đ, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về Tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để chị N và anh H A quay về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái, nhưng chị N không nhất trí quay về đoàn tụ mà yêu cầu giải quyết ly hôn, do các bên không thống nhất được nội dung giải quyết vụ án. Chị N xin ly hôn, anh H A không nhất trí ly hôn nên việc hoà giải không thành. Toà án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên toà: Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, chị giữ nguyên quan điểm về việc xin ly hôn và nuôi con chung như đã trình bày trước đây; Tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Đỗ H A vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên không có ý kiến về quan hệ hôn nhân và nuôi con chung.

* Quan điểm của Đại diện VKS thành phố H, tỉnh Hà Giang:

- Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong qúa trình giải quyết vụ án. Xác minh thu thập chứ cứ đầy đủ, thông báo cho Viện Kiểm sát về việc Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tống đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, các tài liệu do đương sự cung cấp phù hợp với quy định của pháp tại Điều 70, Điều 71, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ Luật tố tụng dân sự, cố tình vắng mặt tại phiên toà;

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án, đề nghị:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị N được ly hôn với anh Đỗ H A;

+ Về con chung: Giao cho chị Trịnh Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đỗ Hoàng Đ, sinh ngày 06/01/2013 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Anh Đỗ H A phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị xem xét.

+ Về án phí: Chị Trịnh Thị N phải chịu án phí ly hôn; anh Đỗ H A phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

+ Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Chị Trịnh Thị N khởi kiện xin ly hôn anh Đỗ H A, bị đơn có địa chỉ cư trú tại tổ 02, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên toà vắng mặt nguyên đơn, tuy nhiên chị Trịnh Thị N đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Đỗ H A đã được toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Do đó HĐXX căn cứ quy định tại khoản b khoản 2 Điều 227, và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là có căn cứ.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Trịnh Thị N và anh Đỗ H A đăng ký kết hôn vào ngày 28/4/2011 tại UBND thị trấn Vinh Quang, huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang, hoàn toàn tự nguyện. Như vậy, hôn nhân giữa chị N và anh H A là hợp pháp. Lý do chị N xin ly hôn, chị cho rằng: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không thông cảm chia sẻ được với nhau về tất cả các vấn đề trong cuộc sống gia đình. Anh H A không tôn trọng chị, thường xuyên đánh đập gây ra thương tích cho chị, nhưng vì chị không muốn ảnh hưởng đến công việc của anh H A nên chị đã cố gắng chịu đựng, đến nay chị cũng không chịu đựng được nữa nên chị đề nghị được ly hôn.

[4] Quá trình chung sống vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, anh H A hay ghen tuông, có hành vi bạo lực vợ gây ra thương tích và ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm của chị N. Từ đó làm cho tình cảm vợ chồng bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Anh H A không nhất trí ly hôn, anh cho rằng vì anh vẫn còn tình cảm với chị N, nhưng anh cố tình không có mặt tại phiên tòa, không có thiện chí muốn hàn gắn với chị N. Chính vì những mâu thuẫn giữa vợ chồng và hành vi bạo lực của anh H A đã khiến chị N phải ra ngoài ở nhờ nhà người thân, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2023 đến nay nên không có điều kiện khắc phục mâu thuẫn, cải thiện tình cảm vợ chồng. Theo quy định tại Điều 19 - Luật Hôn nhân và Gia đình có quy định *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...",* nhưng quan hệ hôn nhân của hai anh, chị không đáp ứng được theo quy định của pháp luật, anh H A có hành vi bạo lực với vợ, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, để chứng minh cho lời trình bày của mình chị N đã cung cấp tài liệu, chứng cứ là tập ảnh màu chụp những vết thương tích mà anh H A đã đánh chị *(BL 29- 35).* Do đó, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điều 56 - Luật HNGĐ, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị N về việc xin ly hôn với anh Đỗ H A.

[5] Về con chung: Chị Trịnh Thị N và anh Đỗ H A có một con chung là cháu Đỗ Hoàng Đ sinh ngày 06/01/2013, ly hôn chị N và anh H A đều xin được nuôi dưỡng cháu Đ, anh H A không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ vào biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân và điều kiện nuôi con tại tổ nhân dân *(BL 27-28)*; Biên bản về việc tham khảo ý kiến của cơ quan Quản lý Nhà nước về gia đình và trẻ em *(BL 41-42),* xét về điều kiện kinh tế thì chị N và anh H A đều có công việc ổn định với mức thu nhập đủ trang trải cuộc sống và nuôi con là như nhau. Tuy nhiên xét về điều kiện thời gian chăm sóc con, do tính chất công việc anh H A hay phải đi trực có khi cả ngày, cả tuần nên không thường xuyên chăm sóc, đưa đón con đi học được, còn chị N thời gian làm việc giờ hành chính, không phải trực nên có nhiều thời gian trực tiếp chăm sóc, dậy dỗ con. Ngoài ra theo ý kiến nguyện vọng cháu Đỗ Hoàng Đ *(BL 21)* cháu mong muốn được ở với mẹ. Vì vậy, yêu cầu xin nuôi con của chị N là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy chị N có đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật và việc cấp dưỡng nuôi con là cần thiết để đảm bảo được các quyền lợi của con. Do đó cần buộc anh Đỗ H A phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung theo mức 1.500.000đ/tháng là phù hợp.

[7] Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án, chị N phải chịu án phí ly

hôn sơ thẩm và anh H A phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị N được ly hôn anh Đỗ H A.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Hoàng Đ, sinh ngày 06/01/2013 cho chị Trịnh Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đ cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Đỗ H A phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu Đ mỗi tháng là 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*), theo phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/9/2023, chị N là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng nhuôi con, anh Đỗ H A được quyền qua lại thăm nom chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được quyền ngăn cản. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về Án phí: Chị Trịnh Thị N phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn 300.000đ được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang (*Do Vương Minh Hiếu nộp thay)* theo biên lai số 0000993 ngày 3 tháng 7 năm 2023. Anh Đỗ H A phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn chị Đỗ Thị N biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, bị đơn anh Đỗ H A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Hà Giang;
- VKSND TP. Hà Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. H;
- UBND thị trấn V, H.H, tỉnh Hà Giang;
- Lưu HS;
- Lưu bộ phận.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Sùng Thị Mai